

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2017  
NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2017

<u>Mục lục:</u>	<u>Trang</u>
Bảng cân đối kế toán	1- 2
Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	5- 25

HẢI DƯƠNG: THÁNG 10 NĂM 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý III năm 2017  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

**MẪU SỐ B01a-DN**  
 Đơn vị tính: VNĐ

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã Số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý (30/09/2017)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2017)</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.015.027.960</b>	<b>34.082.915.676</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.839.955.527</b>	<b>11.252.899.975</b>
1. Tiền	111	V.01	1.839.955.527	3.252.899.975
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	8.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02b	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.982.406.875</b>	<b>9.522.337.089</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	9.041.069.635	10.848.728.427
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	364.433.340	166.704.762
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137		(1.423.096.100)	(1.493.096.100)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13.000.137.958</b>	<b>13.307.678.612</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.07	13.000.137.958	13.307.678.612
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.192.527.600</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	1.192.527.600	-
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.560.167.899</b>	<b>34.916.134.046</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.412.784.573</b>	<b>8.112.524.855</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	9.412.784.573	8.112.524.855
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.143.589.826</b>	<b>26.675.494.097</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	14.714.531.574	15.158.077.714
- Nguyên giá	222		32.884.728.301	30.776.126.847
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(18.170.196.727)	(15.618.049.133)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.429.058.252	11.517.416.383
- Nguyên giá	228		32.695.285.937	31.177.927.937
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(22.266.227.685)	(19.660.511.554)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.793.500</b>	<b>-</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.793.500	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>128.115.094</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	-	128.115.094
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>64.575.195.859</b>	<b>68.999.049.722</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP THEO)**

Quý III năm 2017  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

MẪU SỐ B01a-DN  
 Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối quý (30/09/2017)	Số đầu năm (01/01/2017)
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.346.100.049</b>	<b>40.141.776.441</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.604.491.049</b>	<b>26.400.167.441</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	3.225.772.280	5.402.078.162
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		557.812.366	243.984.866
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	10.791.546.392	12.085.112.929
4. Phải trả người lao động	314		4.933.097.800	7.094.137.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	53.989.680	312.242.580
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	243.704.838	219.433.700
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.798.567.693	1.043.177.904
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.741.609.000</b>	<b>13.741.609.000</b>
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23	13.741.609.000	13.741.609.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>29.229.095.810</b>	<b>28.857.273.281</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.25</b>	<b>29.229.095.810</b>	<b>28.857.273.281</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.174.100.000	17.174.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.174.100.000	17.174.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Vốn khác của Chủ sở hữu	414		536.512.500	536.512.500
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.518.483.310	11.146.660.781
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.946.660.781	5.731.682.542
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.571.822.529	5.414.978.239
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>64.575.195.859</b>	<b>68.999.049.722</b>

Người lập biểu



Trần Thị Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Khiêm

Lập ngày 16 tháng 10 năm 2017



Giám đốc

Đào Văn Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý III năm 2017**

**MẪU SỐ B02a-DN**  
 Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1a	31.234.788.450	24.796.216.255	96.620.830.345	87.421.300.415
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.234.788.450	24.796.216.255	96.620.830.345	87.421.300.415
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	25.609.879.030	20.500.530.838	80.556.814.621	67.238.122.717
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.624.909.420	4.295.685.417	16.064.015.724	20.183.177.698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	68.744.486	93.037.877	254.776.355	326.537.023
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8b	1.278.416.696	855.930.533	4.294.582.187	3.149.165.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8a	3.181.992.614	3.193.210.876	8.592.645.821	9.622.770.976
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.233.244.596	339.581.885	3.431.564.071	7.737.778.296
11. Thu nhập khác	31	VI.6	13.740.400	17.040.000	42.108.964	61.770.100
12. Chi phí khác	32	VI.7	116.655.039	23.486.336	154.655.039	302.600.636
13. Lợi nhuận khác	40		(102.914.639)	(6.446.336)	(112.546.075)	(240.830.536)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.130.329.957	333.135.549	3.319.017.996	7.496.947.760
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.10	260.796.999	82.724.377	747.195.467	1.586.686.820
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.11	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		869.532.958	250.411.172	2.571.822.529	5.910.260.940
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		506	146	1.498	3.441

Người lập biểu



Trần Thị Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Khiêm

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2017



Giám đốc

Đào Văn Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Quý III năm 2017

MẪU SỐ B03a-DN  
 Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		108.404.397.992	65.920.859.350
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(44.431.907.709)	(28.413.252.955)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38.226.097.115)	(24.332.792.600)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.385.241.433)	(2.977.830.167)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		917.470.700	464.425.700
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.340.315.798)	(16.162.811.272)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.061.693.363)</b>	<b>(5.501.401.944)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(2.561.952.700)	(950.591.092)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn khác	22		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		210.701.615	215.583.507
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.351.251.085)</b>	<b>(735.007.585)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.717.410.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(1.717.410.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(3.412.944.448)</b>	<b>(7.953.819.529)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.252.899.975	17.477.248.695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>7.839.955.527</b>	<b>9.523.429.166</b>

Người lập biểu



Trần Thị Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Khiêm

Lập ngày 16 tháng 10 năm 2017



Đào Văn Dũng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ III NĂM 2017**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần khai thác chế biến khoáng sản Hải Dương (sau đây viết tắt là “Công ty”) tiền thân là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Đến năm 1997 được đổi tên là Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương.

Tháng 7 năm 2003 thực hiện cổ phần hóa - chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương thành Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0403000075 lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2003, cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số : 0800282498 thay đổi lần 07 ngày 30 tháng 09 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần 07 ngày 30 tháng 09 năm 2015:

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Lỗ Sơn, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty: 17.174.100.000 đồng (Mười bảy tỷ, một trăm bảy mươi tư triệu, một trăm ngàn đồng)

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- \* Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng;
- \* Khai thác và chế biến sét;
- \* Khai thác tận thu, chế biến Bauxít;
- \* Khai thác cát, đất, sỏi;
- \* Tận thu các loại khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác (nếu có),
- \* Sửa chữa cơ khí - điện;
- \* Xây dựng các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**

Trong kỳ kế toán không có sự kiện nào xảy ra ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng Công ty và các đội khai thác, chế biến đá

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Các thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:**

**1. Kỳ kế toán.**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm dương lịch.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính quý III năm 2017.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán.**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập báo cáo tài chính.

**3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Kế toán máy.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

Công ty không có ảnh hưởng trong việc chuyển đổi Báo cáo tài chính

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kỳ kế toán**

Công ty không có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tỷ giá hối đoái

**3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền**

Công ty áp dụng lãi suất thực tế tại thời điểm phát sinh của Ngân hàng giao dịch

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng, có khả năng thanh toán cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các nghiệp vụ kinh tế được ghi nhận và lập báo cáo theo đơn vị tiền tệ là Việt nam đồng(VND), trong kỳ kế toán không có hoạt động kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại được theo dõi và ghi nhận theo giá gốc.

**6. Nguyên tắc kế toán công nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Bao gồm: các khoản phải thu từ khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ và được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng khách hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Trong kỳ kế toán Công ty không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao:**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ, các khoản thu nhập và chi phí liên quan đến việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao phù hợp với hướng dẫn tại *Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013*, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

Số năm

05-25



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Máy móc thiết bị	04-16
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07-10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05-14

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao:**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị các quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà Công ty phải nộp, chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường được trích khấu hao căn cứ theo trữ lượng được cấp phép khai thác của từng mỏ.

**9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Công ty không có phát sinh trong kỳ

**10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại**

Không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thuế TNDN hoãn lại

**11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí đã phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tùy vào tính chất của chi phí mà phân loại dài hạn và ngắn hạn.

**12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính

**14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản vay, chi phí đi vay.

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là các khoản dự phòng về chi phí cải tạo phục hồi môi trường các mỏ sau khai thác.

**17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:** Không phát sinh trong kỳ

**18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi:** Không phát sinh trong kỳ

**19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị tài sản cố định được biếu tặng sau khi đã trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ các năm trước để lại và lợi nhuận thực hiện trong kỳ.

**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm(5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Thu nhập khác:** Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ,

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

doanh thu hoạt động tài chính.

**21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Là các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

**22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ. Việc tính giá vốn đã tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

**23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Là các khoản chi phí được ghi nhận liên quan đến hoạt động tài chính như: Lãi vay, lỗ đầu tư tài chính...

**24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí bán hàng:** Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường bao gồm các chi phí: xúc bốc, vận chuyển sản phẩm tiêu thụ, thuê cầu rót hàng. Các khoản chi phí này phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

**Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**26. Các nguyên tắc và phương pháp khác:** Tuân thủ theo các chế độ hiện hành**\* Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo điều lệ công ty và được Đại hội cổ đông phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên.

**Quỹ đầu tư phát triển:** Quỹ này được lập để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Quỹ khen thưởng phúc lợi:** Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, đồng thời còn dùng để hỗ trợ địa phương nơi Công ty đóng quân.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

01. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	263.517.200	383.048.200
- Tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn	1.576.438.327	2.869.851.775
+ Vietinbank Nhị Chiểu	353.216.316	778.738.248
+ BIDV Hoàng Thạch	1.223.222.011	2.091.113.527
- Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	8.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Vietinbank Nhị Chiểu	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV Hoàng Thạch	2.000.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.839.955.527</b>	<b>11.252.899.975</b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

02. Các khoản đầu tư tài chính	Số cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	Số cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

c. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

03. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Đầu năm
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>9.041.069.635</b>	<b>10.848.728.427</b>
- Xí nghiệp tư doanh vận tải Hồng Lạc	434.174.377	1.800.981.377
- Công ty TNHH Hưng Hòa	524.842.550	1.210.831.850
- Công ty CP XD và KD VLXD Đức Thắng	-	2.020.992.000
- Cty CPĐT XD& TM Phú Thành	844.937.000	160.970.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.237.115.708	5.654.953.200
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
- Khách hàng...(trên 10% trở lên)	-	-
<b>c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
	-	-

04. Phải thu khác	Số cuối kỳ	Đầu năm
-------------------	------------	---------

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**

Khu 2, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính quý III năm 2017

Kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>364.433.340</b>	-	<b>166.704.762</b>	-
- Phải thu về người lao động(BHXH)	220.358.600	-	166.389.500	-
- Cho mượn các khoản tạm ứng	100.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	44.074.740	-	315.262	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>9.412.784.573</b>	-	<b>8.112.524.855</b>	-
- Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	9.412.784.573	-	8.112.524.855	-

  

05. Tài sản thiếu chờ xử lý	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
- .....	-	-	-	-

  

06. Nợ xấu	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Đối tượng nợ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Đối tượng nợ</u>
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng có khả năng thu hồi	-	-	-	-	-	-
- Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	Trên 3 năm	282.248.000	-	Trên 3 năm
- Xi nghiệp cổ phần Tân tiên Bắc Ninh	155.840.600	-	Trên 3 năm	225.840.600	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	Trên 3 năm	305.471.000	-	Trên 3 năm
- Công ty CPTM Thành Vinh	181.051.800	-	Trên 3 năm	181.051.800	-	Trên 3 năm
- Khách hàng khác	513.484.700	15.000.000	Trên 2 năm	513.484.700	15.000.000	Trên 2 năm
<b>Cộng</b>	<b>1.438.096.100</b>	<b>15.000.000</b>	-	<b>1.508.096.100</b>	<b>15.000.000</b>	-

  

07. Hàng tồn kho	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	870.042.838	-	510.903.734	-
- Công cụ, dụng cụ	14.889.724	-	6.394.791	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.027.836	-	9.171.676	-
- Thành phẩm	12.096.177.560	-	12.781.208.411	-
<b>Cộng:</b>	<b>13.000.137.958</b>	-	<b>13.307.678.612</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

08. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
-.....	-	-	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang			<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- XDCCB dở dang			3.793.500	-
<b>Cộng:</b>			<b>3.793.500</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**

Khu 2, Thị trấn Phú Thù, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính quý III năm 2017

Kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09a -DN****09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình****Đơn vị tính: VND**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>7.881.075.491</b>	<b>20.324.761.131</b>	<b>2.310.187.829</b>	<b>260.102.396</b>	<b>30.776.126.847</b>
- Mua trong năm	-	1.973.189.549	-	-	1.973.189.549
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	135.411.905	-	135.411.905
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.881.075.491</b>	<b>22.297.950.680</b>	<b>2.445.599.734</b>	<b>260.102.396</b>	<b>32.884.728.301</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					-
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>5.633.993.865</b>	<b>8.091.579.826</b>	<b>1.664.510.950</b>	<b>227.964.492</b>	<b>15.618.049.133</b>
- Khấu hao trong năm	442.928.995	1.896.459.955	200.835.147	11.923.497	2.552.147.594
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.076.922.860</b>	<b>9.988.039.781</b>	<b>1.865.346.097</b>	<b>239.887.989</b>	<b>18.170.196.727</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày đầu năm	2.247.081.626	12.233.181.305	645.676.879	32.137.904	15.158.077.714
- Tại ngày cuối kỳ	1.804.152.631	12.309.910.899	580.253.637	20.214.407	14.714.531.574

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 7.423.358.091 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. Tăng, giảm TSCĐ vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí hoàn nguyên môi trường	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	17.436.318.937	13.741.609.000	31.177.927.937
- Tăng khác	1.517.358.000	-	1.517.358.000
Số dư cuối kỳ	18.953.676.937	13.741.609.000	32.695.285.937
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	10.475.176.932	9.185.334.622	19.660.511.554
- Khấu hao trong năm	1.746.178.358	859.537.773	2.605.716.131
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.221.355.290	10.044.872.395	22.266.227.685
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
- Tại ngày đầu năm	6.961.142.005	4.556.274.378	11.517.416.383
- Tại ngày cuối kỳ	6.732.321.647	3.696.736.605	10.429.058.252

Theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty tạm thời chưa phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tổng số tiền là 5,9 tỷ VND. Số tiền này đã được Công ty ghi nhận vào chỉ tiêu Nguyên giá tài sản cố định vô hình và chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Tài sản này được Công ty trích khấu hao bắt đầu từ năm 2015 căn cứ theo trữ lượng khai thác trong kỳ và trữ lượng ước tính còn lại được phép khai thác.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 7.894.448.664 VND.

**11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính: Không phát sinh**

**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư: Không phát sinh**

**13. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

- Các khoản khác (Chi phí tài trợ cho giáo dục, chi phí tham quan nghỉ mát cho người lao động).

**b. Dài hạn**

- Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng

- Chi phí hỗ trợ đền bù do khai thác

**Cộng:**

**Số cuối kỳ**

**Đầu năm**

**1.192.527.600**

-

1.192.527.600

-

-

**128.115.094**

-

72.332.825

-

55.782.269

**1.192.527.600**

**128.115.094**

**14. Tài sản khác**

**a. Ngắn hạn**

**b. Dài hạn**

**Số cuối kỳ**

**Đầu năm**

-

-

-

-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

		Số cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Cộng:</b>		-	-	-	-	-	-
<b>15. Vay và nợ thuê tài chính</b>							
a. Vay ngắn hạn		-	-	-	-	-	-
b. Vay dài hạn		-	-	-	-	-	-
<b>Cộng:</b>		-	-	-	-	-	-
c. Các khoản nợ thuê tài chính							
		Năm nay			Năm trước		
Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-	-	-	
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-	-	-	
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-	
d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán		Số cuối kỳ		Đầu năm			
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi		
- Vay;							
- Nợ thuê tài chính;							
- Lý do chưa thanh toán							

đ. Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

		Số cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>16. Phải trả người bán</b>					
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		3.225.772.280	3.225.772.280	5.402.078.162	5.402.078.162
- Công ty cổ phần Thống Nhất		393.110.100	393.110.100	705.570.700	705.570.700
- Công ty TNHH MTV 6&9		804.010.400	804.010.400	1.125.814.200	1.125.814.200

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**

Khu 2, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính quý III năm 2017

Kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hiền	280.111.100	280.111.100	1.162.469.000	1.162.469.000
- Công ty TNHH MTV TM & DV Hằng Giang	292.090.000	292.090.000	470.402.500	470.402.500
- Công ty Hóa chất mỏ Bạch Thái Bưởi	496.355.640	496.355.640	514.056.312	514.056.312
- Phải trả các đối tượng khác	960.095.040	960.095.040	1.423.765.450	1.423.765.450
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
- Khách hàng...(10% trở nên)	-	-	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	-	-	-	-
<b>Cộng:</b>	<b>3.225.772.280</b>	<b>3.225.772.280</b>	<b>5.402.078.162</b>	<b>5.402.078.162</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
- Khách hàng...(10% trở nên)	-	-	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	-	-	-	-
<b>Cộng:</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**Đơn vị tính:  
VND

Khoản mục	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối Kỳ
<b>a. Phải nộp</b>				
- Thuế GTGT	731.346.013	5.790.271.381	5.965.741.544	555.875.850
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	898.842.965	747.195.467	1.385.241.433	260.796.999
- Thuế thu nhập cá nhân	124.739.420	72.748.000	192.414.420	5.073.000
- Phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế Tài nguyên	3.381.543.412	9.112.683.721	11.391.074.873	1.103.152.260
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	47.436.849	-	47.436.849
- Tiền thuê đất	-	1.825.723.495	1.217.149.000	608.574.495
- Phí bảo vệ môi trường	317.706.265	2.388.896.950	2.294.330.915	412.272.300
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	6.630.934.854	1.517.358.000	349.928.215	7.798.364.639
- Các khoản phải nộp khác	-	116.655.039	116.655.039	-
<b>Cộng:</b>	<b>12.085.112.929</b>	<b>21.621.968.902</b>	<b>22.915.535.439</b>	<b>10.791.546.392</b>
<b>b. Phải thu</b>				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

.....	-	-	-	-
<b>Cộng:</b>	-	-	-	-
<b>18. Chi phí phải trả</b>		<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>53.989.680</b>		<b>312.242.580</b>
- Các khoản trích trước khác: Chi phí điện sản xuất, BDDH, chèn nước, phí kiểm toán		53.989.680		312.242.580
<b>b. Dài hạn</b>		-		-
<b>Cộng:</b>		<b>53.989.680</b>		<b>312.242.580</b>
<b>19. Phải trả khác</b>		<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Kinh phí công đoàn		116.216.400		112.440.000
- Thù lao HĐQT, BKS, thư ký		55.000.000		55.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		72.488.438		51.993.700
<b>Cộng:</b>		<b>243.704.838</b>		<b>219.433.700</b>
<b>b. Dài hạn</b>				
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>20. Doanh thu chưa thực hiện</b>		<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>				
<b>Cộng:</b>		-		-
<b>b. Dài hạn</b>				
<b>Cộng:</b>		-		-
<b>c. Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng</b>				
<b>23. Dự phòng phải trả</b>		<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>				
<b>Cộng:</b>		-		-
<b>b. Dài hạn</b>				
- Dự phòng phải trả khác: Chi phí cải tạo phục hồi môi trường		13.741.609.000		13.741.609.000
<b>Cộng:</b>		<b>13.741.609.000</b>		<b>13.741.609.000</b>
<b>24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
<b>a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		-		-
<b>b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		-		-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a -DN**

**25. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: VNĐ

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>17.174.100.000</b>	<b>536.512.500</b>	-	<b>10.981.052.704</b>	<b>28.691.665.204</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	8.905.153.363	8.905.153.363
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
- Cổ tức được chia	-	-	-	(5.152.230.000)	(5.152.230.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>17.174.100.000</b>	<b>536.512.500</b>	-	<b>11.333.976.067</b>	<b>29.044.588.567</b>
Điều chỉnh hồi tố(i)	-	-	-	(187.315.286)	(187.315.286)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>17.174.100.000</b>	<b>536.512.500</b>	-	<b>11.146.660.781</b>	<b>28.857.273.281</b>
- Lợi nhuận trong kỳ(ii)	-	-	-	2.571.822.529	2.571.822.529
- Quỹ khen thưởng phúc lợi(ii)	-	-	-	(2.200.000.000)	(2.200.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>17.174.100.000</b>	<b>536.512.500</b>	-	<b>11.518.483.310</b>	<b>29.229.095.810</b>

(i). Do điều chỉnh hồi tố, Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2015 và 2016 giảm đi lần lượt là 131.960.162 VND và 55.355.124 VND; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 giảm đi một khoản tương ứng.

(ii). Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2017 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là: 2.200.000.000 VND, Công ty đã hạch toán toàn bộ vào báo cáo trong kỳ.
- Trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với mức 20% vốn điều lệ, tương đương với 3.434.820.000 VND. Công ty đã thanh toán cho các cổ đông và hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2016 là 3.434.820.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang	6.131.160.000	6.131.160.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	11.042.940.000	11.042.940.000
<b>Cộng:</b>	<b>17.174.100.000</b>	<b>17.174.100.000</b>

<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	17.174.100.000	17.174.100.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	17.174.100.000	17.174.100.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.717.410	1.717.410
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ ( Mười ngàn đồng)

**đ. Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
- Quỹ khen thưởng - phúc lợi	1.043.177.904	2.200.000.000	1.444.610.211	1.798.567.693

**g. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của chuẩn mực kế toán cụ thể.**

<b>26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lý do thay đổi giữa số đầu năm và cuối năm		

<b>27. Chênh lệch tỷ giá</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>

<b>28. Nguồn kinh phí</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. Các khoản ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Đầu năm
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại	-	-
d. Kim khí quý, đá quý	-	-
đ. Nợ khó đòi đã xử lý	Số tiền	Thời điểm
- Công ty công trình 86	621.898.570	Tháng 01/2013
( Bán nợ cho Công ty mua bán nợ)		
- Cty vật tư XD và vận tải Hải Phòng	1.914.511.600	Tháng 09/2008
( Bán nợ cho Công ty mua bán nợ)		
- DV Ngô Văn Tám	26.527.700	Tháng 11/2015
( Xóa nợ theo quyết định của HĐQT)		
- DNTM Phượng Bình	54.401.109	Tháng 11/2015
( Xóa nợ theo quyết định của HĐQT)		
e. Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán		

**30. Các thông tin khác**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

Đơn vị tính: VNĐ

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	Quý III/2017	Quý III/2016	09 Tháng 2017	09 Tháng 2016
a. Doanh thu				
- Doanh thu bán hàng	31.234.788.450	24.796.216.255	96.620.830.345	87.421.300.415
+ Doanh thu bán đá thô	1.020.700.123	390.354.525	1.632.715.973	1.891.919.823
+ Doanh thu bán đá chế biến	28.815.297.120	23.956.443.416	92.062.259.106	85.079.962.278
+ Doanh thu bán cát nghiền	1.398.791.207	449.418.314	2.925.855.266	449.418.314
<b>Cộng:</b>	<b>31.234.788.450</b>	<b>24.796.216.255</b>	<b>96.620.830.345</b>	<b>87.421.300.415</b>
b. Doanh thu đối với các bên liên quan				
c. Trường hợp ghi nhận DT cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước...				
02. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý III/2017	Quý III/2016	09 Tháng 2017	09 Tháng 2016
Trong đó:				
03. Giá vốn hàng bán	Quý III/2017	Quý III/2016	09 Tháng 2017	09 Tháng 2016
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	25.609.879.030	20.500.530.838	80.556.814.621	67.238.122.717
+ Giá vốn của thành phẩm đá thô	661.857.350	207.279.679	1.003.716.827	1.115.892.385

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**

Khu 2, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính quý III năm 2017

Kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

+ Giá vốn của thành phẩm đã chế biến	23.722.261.542	19.920.957.338	76.892.963.719	65.749.936.511
+ Giá vốn của thành phẩm cát nghiền	1.225.760.138	372.293.821	2.660.134.075	372.293.821
<b>Cộng:</b>	<b>25.609.879.030</b>	<b>20.500.530.838</b>	<b>80.556.814.621</b>	<b>67.238.122.717</b>
<b>04. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý III/2017</b>	<b>Quý III/2016</b>	<b>09 Tháng 2017</b>	<b>09 Tháng 2016</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68.744.486	93.037.877	210.701.615	308.621.384
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-	44.074.740	17.915.639
<b>Cộng:</b>	<b>68.744.486</b>	<b>93.037.877</b>	<b>254.776.355</b>	<b>326.537.023</b>
<b>05. Chi phí tài chính</b>	<b>Quý III/2017</b>	<b>Quý III/2016</b>	<b>09 Tháng 2017</b>	<b>09 Tháng 2016</b>
<b>Cộng:</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>06. Thu nhập khác</b>	<b>Quý III/2017</b>	<b>Quý III/2016</b>	<b>09 Tháng 2017</b>	<b>09 Tháng 2016</b>
- Tiền phạt thu được	13.740.400	-	16.072.600	21.850.100
- Thu nhập từ cho thuê nhà tập thể	-	17.040.000	26.036.364	39.920.000
<b>Cộng:</b>	<b>13.740.400</b>	<b>17.040.000</b>	<b>42.108.964</b>	<b>61.770.100</b>
<b>07. Chi phí khác</b>	<b>Quý III/2017</b>	<b>Quý III/2016</b>	<b>09 Tháng 2017</b>	<b>09 Tháng 2016</b>
- Tiền bị phạt, tiền chậm nộp	116.655.039	23.486.336	116.655.039	23.486.336
- Chi phí đóng góp xây dựng cầu Cao	-	-	-	225.500.000
- Các khoản khác	-	-	38.000.000	53.614.300
<b>Cộng:</b>	<b>116.655.039</b>	<b>23.486.336</b>	<b>154.655.039</b>	<b>302.600.636</b>
<b>08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý III/2017</b>	<b>Quý III/2016</b>	<b>09 Tháng 2017</b>	<b>09 Tháng 2016</b>
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>3.211.992.614</b>	<b>3.193.210.876</b>	<b>8.662.645.821</b>	<b>9.789.490.976</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.627.654.555	1.419.597.910	5.160.671.795	4.974.373.680
- Chi phí vật liệu	14.760.791	17.593.137	41.148.790	95.754.869

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**Khu 2, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính quý III năm 2017

Kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

quản lý, đồ dùng văn phòng				
- Chi phí khấu hao TSCĐ	87.440.075	107.100.805	301.602.575	331.598.491
- Thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất	125.002.913	128.935.645	274.601.736	258.623.895
- Các khoản chi phí QLDN khác	1.357.134.280	1.519.983.379	2.884.620.925	4.129.140.041
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>1.278.416.696</b>	<b>855.930.533</b>	<b>4.294.582.187</b>	<b>3.149.165.449</b>
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.278.416.696	855.930.533	4.294.582.187	3.149.165.449
- Các khoản chi phí QLDN khác	-	-	-	-
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>(70.000.000)</b>	<b>(166.720.000)</b>
- Hoàn nhập dự phòng phải thu	(30.000.000)	-	(70.000.000)	(166.720.000)
<b>09. Chi phí sản xuất , kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Quý III/2017</b>	<b>Quý III/2016</b>	<b>09 Tháng 2017</b>	<b>09 Tháng 2016</b>
- Chi phí nguyên liệu vật liệu	2.607.204.431	2.112.896.355	6.209.585.798	6.307.480.333
- Chi phí nhân công	11.649.184.195	9.496.744.470	36.435.860.262	33.329.808.620
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.753.164.433	1.851.574.346	5.146.465.825	5.546.604.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.377.295.524	7.185.608.516	28.081.344.769	25.198.807.000
- Chi phí khác bằng tiền	1.803.368.082	2.277.580.261	3.697.592.187	5.254.464.714
- Chi phí Thuế	5.381.886.032	4.891.287.896	13.377.741.015	10.577.811.596
<b>Cộng:</b>	<b>31.572.102.697</b>	<b>27.815.691.844</b>	<b>92.948.589.856</b>	<b>86.214.976.763</b>
<b>10. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>Quý III/2017</b>	<b>Quý III/2016</b>	<b>09 Tháng 2017</b>	<b>09 Tháng 2016</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.130.329.957</b>	<b>333.135.549</b>	<b>3.319.017.996</b>	<b>7.496.947.760</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>173.655.039</b>	<b>80.486.336</b>	<b>416.959.341</b>	<b>436.486.336</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	173.655.039	80.486.336	416.959.341	436.486.336
<i>Chi phí không hợp lý khi tính thuế</i>	116.655.039	23.486.336	245.959.341	289.486.336



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**Khu 2, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính quý III năm 2017

Kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

<i>Thù lao HĐQT và BKS</i>	57.000.000	57.000.000	171.000.000	147.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-	-
<i>Doanh thu không chịu thuế</i>	-	-	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.303.984.996</b>	<b>413.621.885</b>	<b>3.735.977.337</b>	<b>7.933.434.096</b>
Thuế suất	20%	20%	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>260.796.999</b>	<b>82.724.377</b>	<b>747.195.467</b>	<b>1.586.686.819</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai****Năm nay****Năm trước****02. Các khoản tiền do doanh nghiệp giữ nhưng không được sử dụng****03. Số tiền đi vay thu trong kỳ****04. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC.****1. Thông tin so sánh**

Căn cứ theo Biên bản Thanh tra thuế ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Hải Dương, Công ty đã quyết định điều chỉnh số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2016		
		Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước(i)	313	11.897.797.643	187.315.286	12.085.112.929
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối(i)	421	11.333.976.067	(187.315.286)	11.146.660.781
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	5.863.642.704	(131.960.162)	5.731.682.542
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	5.470.333.363	(55.355.124)	5.414.978.239

(i) Thuế phải nộp Nhà nước trong năm 2015 tăng 131.960.162 (trong đó, thuế giá trị gia tăng là 35.736.959 VND, thuế thu nhập doanh nghiệp là 96.223.203 VND) và thuế phải nộp Nhà nước trong năm 2016 tăng 55.355.124 VND (trong đó, thuế giá trị gia tăng là 15.708.468 VND, thuế thu nhập doanh nghiệp là 39.646.656 VND), dẫn đến:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng thêm 187.315.286 VND.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 giảm đi 131.960.162 VND và số dư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 giảm đi 55.355.124 VND.

**Người lập biểu**



**Trần Thị Vân**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Hữu Khiêm**

**Lập ngày 16 tháng 10 năm 2017**



**Giám đốc**

**Đào Văn Dũng**